

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vườn Quốc gia Yok Don

Đề tài: Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don

Tập các loài cây thuốc quan trọng

Theo tri thức và kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc vùng đệm



Tri thức bản địa sử dụng cây thuốc và bài thuốc thuộc sở hữu của các cộng đồng dân tộc thiểu số vùng đệm Vườn Quốc Gia Yok Đôn

Dak Lak, tháng 2 năm 2004

Đề tài: Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don

Tập các loài cây thuốc quan trọng

Theo tri thức và kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc vùng đệm

Tên công trình: Điều tra tài nguyên cây thuốc vườn quốc gia Yok Don

Địa điểm công trình: Vườn quốc gia Yok Don và vùng đệm

Đơn vị quản lý: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị chủ quản: Vườn quốc gia Yok Don

Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì: PGS.TS. Bảo Huy

Thực hiện chính: Th.S. Nguyễn Đức Định

Cố vấn kỹ thuật: KS. Hồ Viết Sắc - Cục lâm nghiệp

Cộng tác viên: Th.S. Nguyễn Thị Thanh Hương, Th.S. Cao Thị Lí, Th.S. Võ Hùng

Với sự tham gia của cán bộ kỹ thuật vườn quốc gia Yok Don

Thời gian thực hiện: Năm 2002 – 2004

Đơn vị thực hiện
Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì

Hiệu trưởng

Đơn vị chủ quản
Vườn quốc gia Yok Don

Giám đốc

PGS.TS. Bảo Huy

Mục lục

Gới thiệu chung	1
Tiêu chí và phương pháp lựa chọn các loài cây thuốc quan trọng	1
Thông tin chung về các loài cây thuốc quan trọng	2
Các loài cây thuốc quan trọng (Xếp theo thứ tự a, b, c ... tên cây)	6
Bàb bàb tuyền	6
Bán tràng	7
Biến hướng	8
Bồ quân ấn độ	9
Cắm xe	10
Cắm lai đen	11
Chân danh	12
Chè long	13
Chiêu liêu ổi	14
Chòi mòi chua	15
Cốt bổ toái	16
Dành dành lá tù	17
Dây Hồ đằng	18
Dó tròn	19
Dót sành	20
Đạt phước	21
Gáo nước, Cà giam lá tròn	22
Hồng bì	23
Kim cang lớn	24
Kơ nia	25
Mã tiên quả cam	26
Nhân trần, Chè đồng	27
Núc nác, Sò đo thuyền	28
Sổ đất	29
Sữa, Mò cua	30
Sưng	31
Táo rừng lá nhỏ	32
Thị mâm	33
Thỏ mật Campuchia	34
Thủy lệ	35
Tóc tiên, thiên môn đông	36
Trắc leo	37

Gới thiệu chung

Tập các loài cây thuốc quan trọng ở vườn quốc gia Yok Đôn được xây dựng dựa vào kết quả nghiên cứu của đề tài: “*Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn*” giai đoạn 2002 – 2004. Trên cơ sở 207 bài thuốc với 172 loài thực vật đã phát hiện dựa vào tri thức bản địa của 10 buôn dân tộc thiểu số trong vùng đệm, cộng đồng địa phương đã đánh giá tầm quan trọng của những loài thực vật làm thuốc trong vùng và đưa ra 32 loài cây có ý nghĩa cao trong xây dựng mô hình bảo tồn tri thức bản địa và các cây thuốc trong đời sống cộng đồng.

Mục đích của việc xây dựng tập các loài cây thuốc quan trọng này là:

- Chọn lựa để mô tả, giới thiệu chi tiết với hình ảnh minh họa, bản đồ và tọa độ phân bố chính xác trong tự nhiên của các loài cây thuốc quan trọng; thuận tiện cho việc tra cứu, thu thập trên thực địa.
- Làm cơ sở cho việc tập trung bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc quan trọng này trong vườn quốc gia cũng như ở các cộng đồng thông qua xây dựng 02 vườn cây thuốc ở trong vườn quốc gia và buôn Drăng Phok cũng như tổ chức bảo tồn các loài này trong tự nhiên
- Định hướng cho việc bảo tồn và sử dụng tài nguyên cây thuốc về cả hai mặt: tri thức bản địa cũng như tài nguyên thực vật. Giúp cho việc phát triển tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc đặc biệt và làm cơ sở cho việc phân tích thành phần dược liệu của các loài cây thuốc quan trọng ở trong vùng.

Tập các loài cây thuốc quan trọng này gồm có 32 loài được lựa chọn để giới thiệu, bao gồm các thông tin, tri thức chủ yếu sau:

- Tên loài bao gồm tiếng phổ thông, M’Nông và Lào (hai thứ tiếng sử dụng phổ biến ở các buôn vùng đệm), tên khoa học, họ thực vật
- Giới thiệu hình thái, phân bố, yêu cầu sinh thái thực vật
- Công dụng chính của loài, được sử dụng như thế nào trong các bài thuốc truyền thống
- Yêu cầu về bảo tồn và phát triển tri thức bản địa cũng như loài thực vật
- Tọa độ phân bố của từng loài theo UTM/GPS chính xác trên thực địa và bản đồ cùng với đánh giá độ phong phú của từng loài. (Đã xác định tọa độ UTM cho 24 loài, còn lại 8 loài xác định đến sinh cảnh phân bố)
- Khả năng phát triển kinh doanh cây thuốc.

Tiêu chí và phương pháp lựa chọn các loài cây thuốc quan trọng

Trên cơ sở tiếp cận cộng đồng đã phát triển các tiêu chí lựa chọn các loài cây thuốc cần tập trung bảo tồn và phát triển:

- Loài có giá trị chữa bệnh cao, có công dụng chữa các bệnh đặc biệt
- Loài cây chữa được nhiều bệnh
- Loài cây thuốc quan trọng đối với cộng đồng, được sử dụng làm thuốc phổ biến.
- Loài có khả năng buôn bán, kinh doanh.
- Loài cây thuốc hiện nay hiếm và cộng đồng có nhu cầu bảo tồn và phát triển

Phương pháp phân loại, lựa chọn loài cây thuốc quan trọng dựa vào cộng đồng:

- Chuẩn bị bộ cards ghi tất cả các loài cây thuốc (cả 2 tên: phổ thông/ địa phương - mặt sau ghi ký hiệu cây thuốc/ bài thuốc, công dụng)

- Làm việc với từng nhóm cộng đồng hiểu biết cây thuốc, mỗi nhóm phân loại các loài cây thành 03 loại: quan trọng/ trung bình/ít quan trọng hoặc không biết theo các tiêu chí đã thống nhất trước.
- Số cây mỗi nhóm chưa biết được chuyển sang nhóm cộng đồng khác xem xét và phân loại (lặp lại 3 lần).
- Kết quả bước 1: cả 3 nhóm cộng đồng sắp xếp phân loại được các loài cây thuốc quan trọng
- Thảo luận chung một lần cuối với cả 03 nhóm cộng đồng để thống nhất lựa chọn các loài cây được xếp ở mức quan trọng nhất

Thông tin chung về các loài cây thuốc quan trọng

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM xác định bằng GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính	Đang kinh doanh
		Phổ thông	Địa phương	La tinh	X	Y				
1	10	Chè long	Cốc Sa tanh	Aganosma acumonata (Roxb) G.Don	792732	1422311	Nhiều	2	Bổ cho phụ nữ sau sinh	
	12	Bán trắng	Tôm trơn, Neng so	Hemidesmus sp.	792732	1422311	ít	68	Bổ cho phụ nữ sau sinh, thuốc bổ	x
	168	Kim cang lớn	Cốc khướng nội, Tôm Nam Dong	Smilax china L.	792732	1422311	ít	200	Trị đau bao tử	x
2	11	Sữa/mò cua	Tim pét	Astonia scholaris (L.) R.Br.	799369	1419372	Nhiều	83,	Chữa rắn cắn	
	15	Đạt phước	Tôm tang toại/cốc cang khôn	Millingtonia hortensis L.f.	798286	1424320	ít	53, 93, 134	Sốt nóng, mất tiếng ở trẻ em; ho; đau bụng ở trẻ con	
	16	Sò đo thuyền	Cốc mạc lin mây / Tôm pa lung	Oroxum indicum (L.) Vent			TB	39, 109, 139	Đau bụng, kiết lỵ	
	54	Trắc leo	Pa đông khô	Dalbergia volubilis Roxb			ít	81	Trị đau khớp, lưng	
	60	Bồ quân Ấn độ	Cốc mạc peng/Tôm plai cấp	Flacourtia indica (Bum f.) Merr	799424	1419404	TB	1, 10, 32, 33, 48, 94, 173	Thuốc bổ/thuốc bệnh cho phụ nữ mới sinh, đau bụng, ho ra máu, bí tiểu	
	78	Sưng	Cốc nam viên/Ja hạt điều	Semecarpus sp	800725	1425660	TB	7	Bổ cho phụ nữ sau sinh	
	94	Gáo nước, Cà giam lá tròn	Cốc cang lương / Tôm ko	Mytragyne rotundifolia (Roxb) Kuntze.	799472	1419703	Nhiều	59, 201	Trị bệnh thương hàn; sốt rét	
	109	Dó tròn	Cốc po pít	Helicteres isora L.	799071	1424872	TB	146	Trị đau bụng	
	130	Chân danh	Cốc xám khoai / Tôm Rơ vắc quần	Euonymus sp.	794318	1422949	ít	35, 15	Bổ cho phụ nữ sau sinh	

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM xác định bằng GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính	Đang kinh doanh
		Phổ thông	Địa phương	La tinh	X	Y				
	142	Bầm bầm tuyến	Cốc Kpăk lai mơn	Entada glandulosa Pierre			ít	86	Trị rắn độc cắn	
	170	Bồ cốt toái	Tôm chứt	Drynaria fortunei J.Sm			TB	177, 179	Sỏi thận	
3	28	Chiêu liều ổi	Cốc pưoi lượ / Tôm đẳm cốc	Terminalia corticosa Pierre ex Laness	801216	1421536	TB	127	Đau bụng	
	36	Thị mām	Cốc hướng quang	Dyospyros ehretioidesWall .ex G.Don	801317	1425220	Nhiều	5, 10, 19, 26, 33, 42, 50, 121, 201	Bổ cho phụ nữ sau sinh; tan máu cho phụ nữ mới sinh; đau đầu; sốt rét; sốt vàng da; sỏi; thương hàn	
	39	Chòi mòi chua	Cốc mậu/Tôm tờ ne	Antidesma ghaesembilla Gaertn	801363	1425227	Nhiều	1	Bổ cho phụ nữ sau sinh bị yếu sức	
	61	Kơ nia/Cây	Cốc póc / Tôm Nher	Irvingia malayana Oliv. ex Benn	795798	1426574	TB	53, 99	Sốt nóng, mất tiếng ở trẻ em; ho liên tục	
	66	Mã tiền quả cam	Cốc tum ca / Tôm Plai Kroăi	Strychnos nux-blanda A.W.Hill	796184	1426633	Nhiều	40, 55, 82, 189, 193, 201	Sốt rét, sốt cách nhật/ rắn cắn/tê liệt tay chân	
	75	Cắm xe	Cốc đen / Tôm kpek	Xylia xylocarpa (Roxb.) Taub.	801080	1425202	Nhiều	21, 56, 152, 187, 189	Cầm máu cho phụ nữ bị băng huyết; sốt rét; kiết lỵ; phù thũng; tê liệt tay chân	
	76	Dây hồ đăng	Pa đông khưa	Cisampelos sp.	799833	1425344	ít	74,113	Mỏi chân, đau khớp, bong gân	
	92	Dành dành lá tù	Cốc lom phúc / Tôm mở ra tó	Gardenia obtusifolia Roxb. ex Hook.f.			ít	18, 33, 46	Phụ nữ sau sinh, sốt rét	
	97	Dót sành	Cốc nho sụm/Tôm đrô răng	Pavetta pitardii Brem	796602	1423361	ít	15, 27	Phụ nữ sau sinh, bồi bổ	
	101	Hồng bì	Cốc sâm nghìn	Clausena excavata Burm			ít	70	Bồi bổ, tăng lực	x
4	50	Biển hướng	Cà đực ưng / Tôm A gay	Campylostropis sp.	797548	1426598	TB	17,47	Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn sau sinh; sốt rét	
5	53	Cắm lai đen	Cốc pa đông / Tôm kôl	Dalbergia volubilis	801205	1421603	TB	49, 189	Sốt mết mòi, đau chân khớp; trị tê liệt chân tay	

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM xác định bằng GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính	Đang kinh doanh
		Phổ thông	Địa phương	La tinh	X	Y				
	116	Tóc tiên, Thiên môn đông	Cóc xi xạn / Tơ nam phan	Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr.			TB	94	Trị ho ra máu	
6	30	Sổ đất	Cóc san tia/Tơ no sre	Dillenia hookeri Pierre	801679/800542	1425317/1426189	Nhiều	5, 7, 14, 26	Bổ cho phụ nữ sau sinh; tan máu cho phụ nữ cho phụ nữ mới sinh	
	87	Táo rừng lá nhỏ	Cóc nam khom / Cóc leo meo	Ziziphus oenophia (L.) Mill.			Nhiều	147, 205	Đau bao tử, mụn nhọt	
7	104	Nhân trần	Klôi bri	Adenosma indianum (Lour)	797548	1426595	Nhiều	194	Chống xơ gan, trúng gió, bồi bổ cơ thể	x
	125	Thuỷ lệ	Cóc phát ca diên	Hydrophilaceae	795755/799374	1426552/1425057	Nhiều	188	Chữa bệnh phù thũng	
8	41	Thổ mật Campuchia	Cóc hàng nam/Tơ nam nhên	Bridelia campodiana Gagnep	801732	1424806	Ít	20, 33, 35	Phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn; nhứt đầu mệt mỏi sau sinh	

Độ phong phú: (Tính trong sinh cảnh phân bố)

Nhiều: 100 cây/ha

Trung bình (TB): 10 - 99 cây/ha

Ít: < 10 cây/ha, khó tìm gặp

Mã số Sinh cảnh

1: Rừng thường xanh núi Yok Đôn - Pa Khơi Nhan

2: Rừng nửa rụng lá ứ thể Bằng lăng - Đông Pươi

3: Rừng khộp -Nôn Cung

4: Rừng tre le ứ thể - Đông Lây/Đông Chột

5: Rừng ven sông suối - Hiếm hui/hiếm hơn

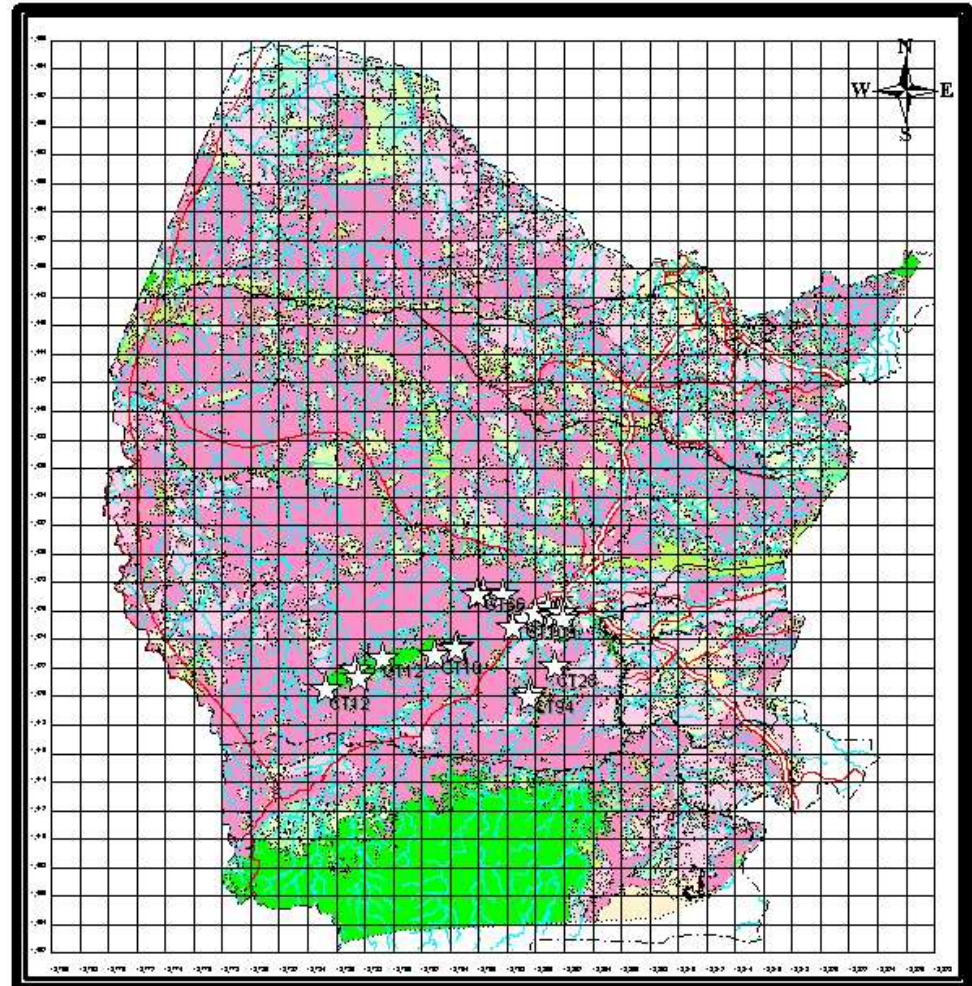
6: Trảng cỏ cây bụi - Nhạ Thông

7: Các đầm lầy trong rừng - Y Lớn

8: Quanh buôn, trong vườn - Hứa Xưởng

Bản đồ phân bố các loài cây thuốc quan trọng

TỶ LỆ: 1 : 430 000



Chú giải

- Rừng rậm lá rộng thường xanh (1)
- Rừng trung bình lá rộng thường xanh (2)
- Rừng thưa lá rộng thường xanh (3)
- Rừng rậm lá rộng nửa rụng lá (5)
- Rừng thưa lá rộng nửa rụng lá (6)
- Rừng bán thưa rụng lá (7a)
- Rừng rụng lá suy thoái (7b)
- Rừng tre hỗn giao (13)
- Cây savan (16)
- Đất cây bụi (18)
- Cây công nghiệp khác (25)
- Canh tác hàng năm (đất cao) (26)
- Canh tác hàng năm (đất thấp) (27)
- Khu dân cư (28)
- Nước (29)
- Mây

Phân loại sinh cảnh

- 1: Rừng thường xanh núi Yok Đồn - Pa khươi nham
- 2: Rừng nửa rụng lá ưu thế Bàng lằng - Đồng pười
- 3: Rừng khộp - Nón cung
- 4: Rừng Tre, Je ưu thế - Đồng lầy/Đồng chột
- 5: Rừng ven sông suối - Hiếm hoi/Hiếm hơn
- 6: Trảng cỏ cây bụi - Nhạn thông
- 7: Đám lầy trong rừng - Y lơn
- 8: Vườn nhà - Hứa xuống
- ★ CT12: Cây thuốc 12

- Tỉnh lộ
- Đường đất lớn
- Suối
- Ranh giới xã

Các loài cây thuốc quan trọng (Xếp theo thứ tự a, b, c ... tên cây)

Bà bà tuyến

Số hiệu cây thuốc: CT142

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Kpāk lai môn
- M'Nông:

Tên khoa học: *Entada glandulosa* Pierre

Họ Trinh nữ :
Mimosaceae

Mô tả hình thái:

Dây leo hóa gỗ. Lá kép lông chim 2 lần chẵn gồm nhiều lá chét nhỏ, đầu lá có tuyến.

Hoa mọc thành từng bông ở nách lá, màu trắng.

Quả đậu gồm nhiều đốt, hạt hình cầu dẹt, đường kính 1,5cm.



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố ở lùm bụi thấp, ven rừng, nơi ẩm trong rừng khộp hay bán thường xanh, cây ưa ẩm, ưa sáng.
- Địa hình: Phân bố nơi bằng phẳng hay các triền suối.

Công dụng:

Cây được người dân địa phương sử dụng để làm thuốc trị rắn độc cắn rất tốt (BT86), bài thuốc chỉ cần sử dụng một loài này

Bộ phận làm thuốc:

Dùng hạt của cây để làm thuốc bằng cách bỏ đôi áp vào vết rắn cắn, hạt sẽ hút hết nọc độc.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là cây thuốc rất độc đáo của cộng đồng cần phát huy, hơn nữa bộ phận sử dụng để làm thuốc là hạt, chính vì vậy có thể thu hoạch hàng năm và bảo quản để sử dụng khi cần thiết.

Bán tràng

Số hiệu cây thuốc: CT12

Tên địa phương:

- Lào: Neng so
- M'Nông: Tôm Trơn

Tên khoa học: *Hemidesmus* sp.

Họ Thiên lý : Asclepiadaceae

Mô tả hình thái:

Dây leo quấn, sống nhiều năm, có mủ trắng, rễ to cứng, thơm. Thân non mảnh.

Lá đơn mọc đối hình trái xoan thuôn dài 5-10cm, rộng 2-4cm có lông thưa ở 2 mặt.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác ở rừng thường xanh núi Yok Đôn và núi Chư Minh, cây có khả năng chịu bóng, bò bám trên các loài gỗ khác.
- Địa hình: Cây mọc ở triền dốc hay nơi bằng phẳng trên núi

Công dụng:

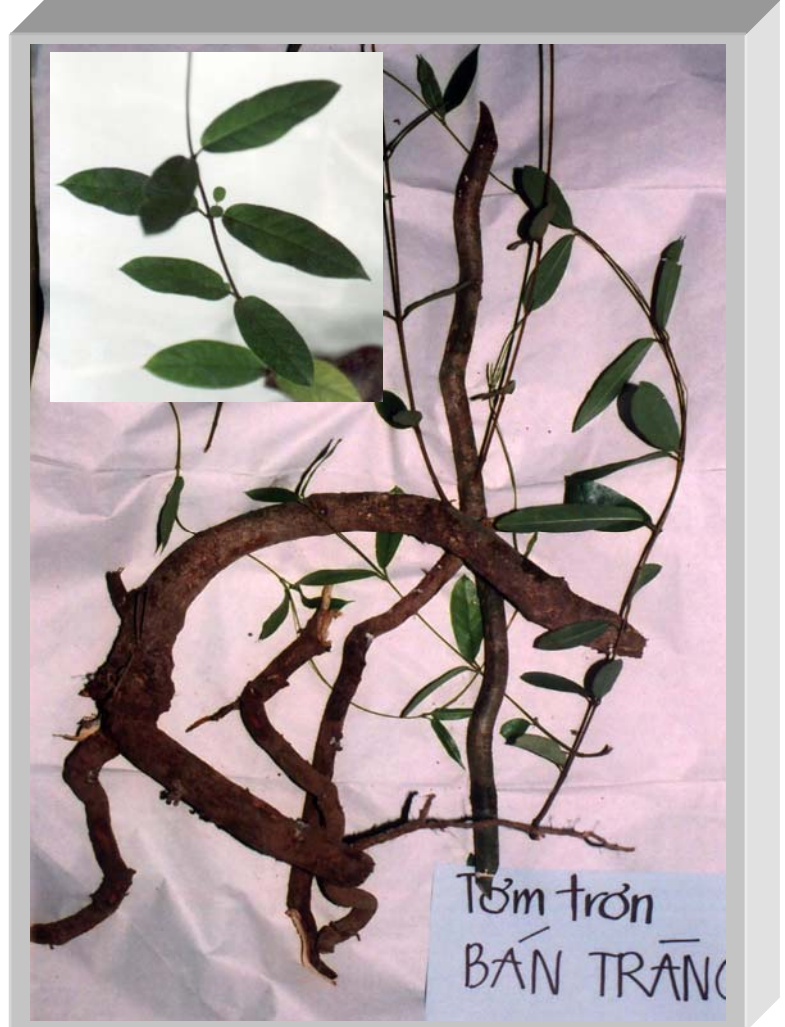
Cây được sử dụng làm thuốc bổ cho phụ nữ mới sanh (BT8), hay dùng làm thuốc bổ khỏe toàn thân (BT68). Thường được sử dụng riêng hay dùng chung với loài Hồng bì (Cốc Sâm nghìn) có thể nấu nước hay ngâm rượu uống.

Bộ phận làm thuốc:

Có thể dùng thân, lá hay rễ để làm thuốc, thường sử dụng thân và rễ, băm nhỏ phơi khô để dùng.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài thuốc quý tại cộng đồng, được người dân sử dụng nhiều, phần lớn làm thuốc bổ. Cây đã trở thành sản phẩm hàng hóa trao đổi buôn bán trong vùng cùng với cây Hồng Bì, với tên gọi bài thuốc Ma Công. Cần có biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững, tránh khai thác quá mức



Biển hướng

Số hiệu cây thuốc: CT50

Tên địa phương:

- Lào: Cà Đục ưng
- M'Nông: Tôm A gay

Tên khoa học:

Campylotropis sp.

Họ Đậu: Fabaceae

Mô tả hình thái:

Cây bụi, thân có cạnh, lúc non có lông về sau không lông.

Lá kép 3 lá chét, lá chét hình bầu dục tròn dài, 3-6 x 1,5 - 2,5cm, có lông trắng ở mặt dưới lá, gân bên mảnh, 7-9 cặp, lá kèm 5-6mm.

Chùm tụ tán dày ở ngọn và nách lá, đài hoa có lông, hoa hường tím tím hay vàng, trái xoan dẹp có 1 hạt

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rộng rãi trong rừng khô thưa, ven đường, bờ ruộng, nơi có nhiều ánh sáng, mọc chung với các loài cây cỏ khác
- Địa hình: cây mọc hầy khắp các dạng địa hình



Công dụng:

Cây được sử dụng để làm thuốc cho phụ nữ sau khi sinh bị ngộ độc thức ăn (BT17), ngoài ra cây được sử dụng để làm thuốc trị bệnh sốt, sốt rét (BT47)

Bộ phận làm thuốc:

Rễ cây được sử dụng để làm thuốc có thể dùng tươi hay phơi khô nấu nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài phân bố khá nhiều quanh các buôn, là cây thuốc được sử dụng phổ biến trong cộng đồng, cần bảo vệ và phát triển.

Bồ quân ấn độ

Số hiệu cây thuốc: CT60

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Mạc beng
- M'Nông: Tôm Cáp

Tên khoa học: *Flacourtia indica* (Burm f.) Merr

Họ bồ quân: Flacourtiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, có gai đơn, mọc thẳng hay chia nhánh. Lá đơn mọc cách, có lông mịn ở gân giữa, dài 5-8cm. Lá hình trứng, đầu tròn, mép có răng cưa nhỏ, cuống lá màu đỏ. Hoa mọc thành chùm ở nách lá, hoa ít và không cuống hoa, hoa đơn tính. Quả hạch, hình trái xoan, màu đỏ, hạt nhiều và nhỏ.



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác trong rừng khộp, ven các suối, khe và ven sông Sê Rê Pôk của vườn quốc gia Yok Đôn
- Địa hình: Cây thường mọc nơi bằng phẳng hay triền dốc

Công dụng:

Cây được sử dụng trong nhiều bài thuốc với nhiều công dụng khác nhau: thuốc cho phụ nữ mới sinh bổ khỏe (BT1;10), bệnh cho phụ nữ sau sinh (BT32;33); sốt rét (BT48); ho ra máu (BT94); bí tiểu tiện (BT173)

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ hay thân để làm thuốc, thường dùng một loại hay dùng chung với các loài khác thường sắc nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Là loài cây có nhiều công dụng trong các bài thuốc vì vậy cần phải phát triển và bảo tồn để duy trì nguồn cây thuốc và đa dạng sinh học.

Cầm xe

Số hiệu cây thuốc: CT75

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Deng
- M'Nông:
Tóm Rpek

Tên khoa học:

Xylia xylocarpa

(Roxb.) Taub.

Họ Trinh nữ :

Mimosaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ lớn, rụng lá, thân tròn, phân cành thấp, ít khi thẳng. Vỏ màu xám vàng đến màu xám đỏ nhạt

Lá kép lông chim 2

lần chẵn, cuống lá cấp 1 dài 2,5 - 5cm, mang một đôi cấp 2 dài 7,5-10cm. Lá chét hình trái xoan hoặc hình trứng

Hoa nhỏ màu vàng nhạt, hợp thành hình đầu. Quả đậu hóa gỗ, hình dao dài 10-15cm, rộng 5cm, chứa 6-10 hạt, khi chín tự mở.



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố trong rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá hay rừng khộp của vườn quốc gia Yok Đôn. Cây ưa sáng nhưng sinh trưởng chậm.
- Địa hình: Cây mọc trên hầu khắp các dạng địa hình.

Công dụng:

Cây được sử dụng trong nhiều bài thuốc khác nhau: Dùng làm thuốc bổ cho phụ nữ sau khi sinh (BT5;6) hay băng huyết của phụ nữ (BT21); dùng điều trị sốt rét (BT56), dùng chung với các loài khác để trị tê liệt chân tay (BT189) hay điều trị bệnh phù thũng (BT187).

Bộ phận làm thuốc:

Bộ phận làm thuốc của cây đa dạng có thể dùng gỗ cây, rễ cây, vỏ cây, hay nhựa trong thân cây tươi đốt lên....

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài cây phân bố khá rộng rãi, đây là loài cây được sử dụng làm thuốc rất đa dạng, cần phát huy tác dụng của cây, cũng như chú ý đến việc bảo tồn.

Cẩm lai đen

Số hiệu cây thuốc: CT53

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Pa đông
- M'Nông: Tơm Kôl

Tên khoa học: *Dalbergia nigrescens* Kurz

Họ Đậu: Fabaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn, vỏ thân màu xám trắng, có nhiều mụn sần sùi. Lá kép lông chim lẻ, mọc cách, dài 10-14cm, có 8-12 lá chét, lá kèm sớm rụng.

Cụm hoa hình chùy mọc ở kẽ lá gần đầu cành. Hoa màu trắng vàng, có lá bắc sớm rụng. Quả dạng quả đậu mỏng, có 1-2 hạt.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố trong rừng nửa rụng lá, rừng thưa. Loài cây ưa sáng, giai đoạn đầu có khả năng chịu bóng.
- Địa hình: Phân bố ở hầu khắp các dạng địa hình.

Công dụng:

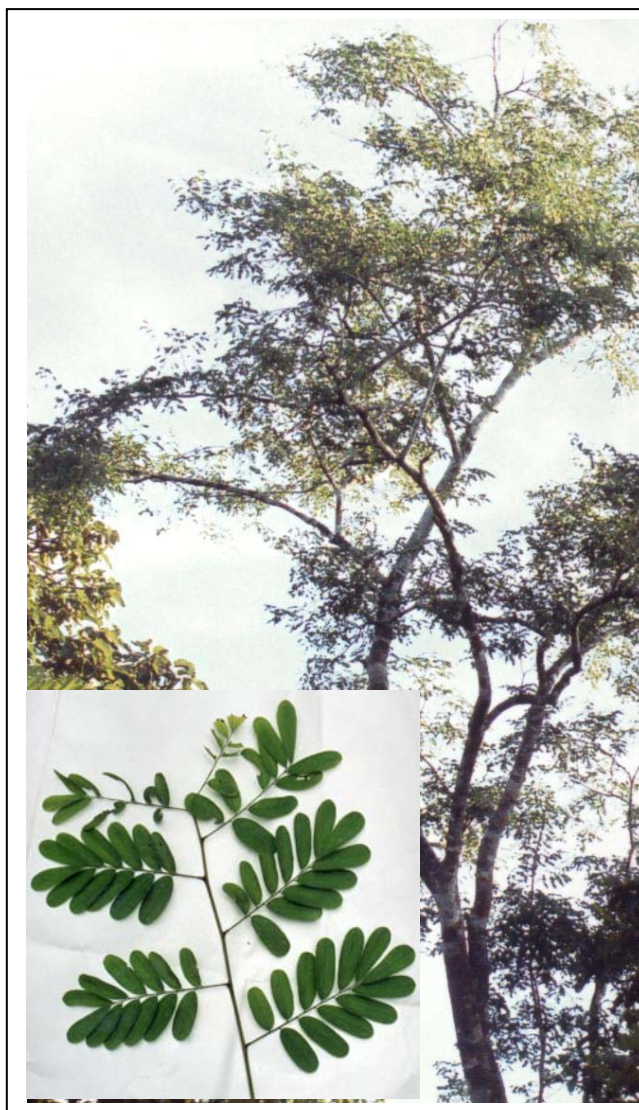
Cây được dùng để làm thuốc trị bệnh sốt, mệt mỏi, đau chân, đau khớp (BT49); hay dùng chung trong bài thuốc trị tê liệt tay chân (BT189)

Bộ phận làm thuốc:

Rễ, vỏ và gỗ cây được sử dụng để làm thuốc, thường dùng tươi hay khô nấu nước uống, đối với tê liệt dùng vỏ tươi giã nhỏ làm thuốc bôi.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây khá phổ biến trong khu vực, giá trị gỗ không cao, có thể dùng các bộ phận để làm thuốc, cũng cần phải gắn công tác bảo tồn.



Chân danh

Số hiệu cây thuốc: CT130

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Sám khoai
- M'Nông: Tơ Rơ Vác quăn

Tên khoa học: *Euonymus* sp.

Họ Chân danh : Celastraceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ cao 7-8m, nhánh non hơi vuông, có màu xanh nhạt.

Lá đơn mọc đối không có lá kèm, phiến lá hình trái xoan hay hình trứng, đầu và đuôi lá gần tròn, dài 10 - 15cm, rộng 5 - 8mm, có 5 - 6 đôi gân bên. Cụm hoa dạng chùm.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác trong rừng khộp nơi ẩm hoặc rừng bán thường xanh, ven sông suối.

- Địa hình: Thường mọc nơi địa hình bằng phẳng hay sườn đồi, nơi ẩm.

Công dụng:

Cây được dùng trong các bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh được khỏe mạnh (BT15) dùng chung với các loài cây khác. Đối với phụ nữ sau khi sinh bị ngộ độc thức ăn cũng dùng cây này điều trị cùng với loài Thẩu mật (BT35), hay khi bị hư thai cũng có thể dùng để ra thai.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ cây để làm thuốc, có thể dùng tươi hay khô nấu chung với các loài cây khác.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Cây có phân bố rải rác, là một loài cây thuốc rất thông dụng cũng như quan trọng tại cộng đồng, bộ phận sử dụng là rễ vì vậy cần gắn công tác bảo tồn với việc lấy cây làm thuốc.



Chè long

Số hiệu cây thuốc: CT10

Tên địa

phương:

- Lào: Cốc Xe tanh
- M'Nông: Tôm chia ran quai

Tên khoa

học:

Aganosma acuminata (Roxb.)

G.Don

Họ Bồ quân:

Apocynaceae



Mô tả hình thái:

Dây leo cao, thường mọc thành bụi, không lông, có mủ trắng.

Lá lúc non đỏ, mọc đối, phiến lá bầu dục tròn dài, mỏng, không lông, mặt trên xanh bóng, gân bên 10-12 cặp, hợp nhau ở mép lá, cuống lá dài 5-10mm.

Chùm tụ tán ở nách lá và ngọn, dài cao 3-5mm, cánh hoa trắng. Quả dài đôi dài 15 - 30cm, hạt có lông mào.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác trong rừng khộp, ven ruộng, ven đường đi. Cây ưa sáng, thích mọc trên các gò mồi
- Địa hình: Thường mọc trên địa hình bằng phẳng hay độ dốc thấp, hay mọc nơi ven khe suối, ẩm

Công dụng:

Cây được sử dụng làm thuốc bổ, đặc biệt cho phụ nữ mới sinh (BT2), khi uống thuốc giúp ăn ngon, ngủ yên.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng toàn cây để làm thuốc, thân rễ lá đều dùng được để nấu nước uống có mùi thơm

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây được cộng đồng sử dụng nhiều nên cần chú ý đến việc bảo tồn và phát triển, tránh khai thác quá mức.

Chiêu liên ổi

Số hiệu cây thuốc: CT28

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Pươi lược
- M'Nông: Tôm Drăm cóc

Tên khoa học: *Terminalia*

corticosa Pierre ex Laness.

Họ Bàng: Combretaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ lớn, rụng lá mùa khô, vỏ bong từng mảng như cây ổi. Cành lá non phủ lông hung nâu.

Lá đơn mọc đối, đôi khi gần đối, hình bầu dục dài 7-15cm, rộng 6-10cm, đầu lá tù có khi có mũi ngắn, gốc lá tròn hoặc tù, Cụm hoa hình bông nhiều hoa, mọc ở các kẽ lá. Đài 5, dính nhau thành hình đầu. Không có tràng, nhị 10. Quả khô tròn dẹt có cánh mỏng.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố khá phổ biến trong rừng khô thưa cây họ dầu và rừng chuyển tiếp ven sông suối. Cây ưa sáng, tái sinh chồi phát triển mạnh.
- Địa hình: Cây mọc hầu khắp các dạng địa hình và các dạng lập địa.

Công dụng:

Cây được sử dụng để làm thuốc trị đau bụng tiêu chảy, chỉ cần sử dụng một vị thuốc này (BT127)

Bộ phận làm thuốc:

Vỏ cây được sử dụng để làm thuốc bằng cách bóc lấy bầm nhỏ sao vàng sắc nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây có trữ lượng lớn, khả năng cung cấp thuốc nhiều vì vậy cần nghiên cứu để chiết xuất làm thuốc, cũng cần chú ý đến vấn đề bảo tồn tránh khai thác quá mức.



Chòi mòi chua

Số hiệu cây thuốc: CT39

Tên địa phương:

- Lào: Cốc mậu
- M'Nông: Tôm Tô rờ ne

Tên khoa học: *Antidesma ghaesembilla* Gaertn.

Họ thảo dầu :

Euphorbiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, nhánh chữ chi và không có lông. Vỏ thân màu xám nâu, nứt dọc nhẹ, thịt vỏ màu hồng nhạt. Lá đơn mọc cách, phiến lá cứng, hình mác hay hình trái xoan, dài 5-6cm, rộng 3-4cm. Lá kèm sớm rụng. Hoa đơn tính khác gốc làm thành cụm hoa hình chùy ở nách lá nhiều hoa. Quả hạch nhỏ.



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố trong rừng thưa, rừng nửa rụng lá hoặc các trảng cây bụi, ven đường đi của vườn quốc gia Yok Đôn. Cây ưa sáng, chịu được hạn
- Địa hình: Cây mọc ở hầu khắp các dạng địa hình

Công dụng:

Được sử dụng trong các bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh được khỏe mạnh (BT1) với một số loài khác như: Bồ quân ấn độ, mắt mèo gai...

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ cây để làm thuốc, dùng tươi hay khô

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây phổ biến trong một số kiểu rừng, loài được cộng đồng thường sử dụng làm thuốc, cần chú ý đến việc bảo vệ cây khi lấy rễ để làm thuốc.

Cốt bổ toái

Số hiệu cây thuốc: CT170

Tên địa phương:

- Lào:
- M'Nông: Tơm Chút

Tên khoa học: *Drynaria fortunei* J.Sm

Họ Dương xỉ: Polypodiaceae

Mô tả hình thái:

Cây phụ sinh cao 20 - 40cm, sống nhiều năm, thân rễ bò, dọc thân có nhiều vảy màu rỉ sắt, vảy hình ngọn giáo. Lá ở gốc có tác dụng hứng mùn, đáy hình tim bìa có răng.

Lá dinh dưỡng có cuống ngắn, có cánh xếp tận gốc, phiến lá dài xẻ lông chim đến tận trục chính mang nhiều túi bào tử ở mặt dưới.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây sống phụ sinh trên các loài cây gỗ và các bờ đá, cây gỗ thường gặp là bằng lăng.
- Địa hình: Trong rừng bán thường xanh, gần sông suối.

Công dụng:

Cây được sử dụng để làm thuốc trị sỏi thận, đau thận có thể dùng riêng (BT177) hay dùng chung với rễ cây bồ ngót và thân cây mía (BT179).

Bộ phận làm thuốc:

Thường lấy phần thân rễ phù mấp để làm thuốc, cạo bỏ hay thui đốt lớp lông bên ngoài, thái mỏng phơi khô hay dùng tươi để nấu uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây thuốc và bài thuốc có giá trị cần phát triển bảo tồn, sử dụng



Dành dành lá tù

Số hiệu cây thuốc: CT92

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Lom phúc
- M'Nông: Tơm mờ ra tó

Tên khoa học:

Gardenia
obtusifolia Roxb.
ex Hook.f.
Họ Cà phê:
Rubiaceae



Mô tả hình

thái:

Cây gỗ nhỏ, cao 2-6m, phân cành nhiều, cành nhẵn. Lá hình trái xoan hay thon ngược, mọc đối, 12x5,5cm, nhẵn,

bóng không lông nhưng hơi nhám, lá kèm nhỏ, mỏng, to 4-5mm.

Hoa tự hình đầu tập trung đầu cành, hoa to và đơn độc, màu vàng tươi, đài 1-3 cao 3mm, nhọn. Quả hình tròn, đài tồn tại, vỏ quả bóng, màu nâu, hạt nhiều, dài 5-6mm.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác trong rừng thưa cây họ dầu của vườn quốc gia Yok Đôn. là loài cây ưa sáng tuy nhiên cũng có khả năng chịu bóng một phần, khả năng tái sinh hạt và chồi tốt.
- Địa hình: cây thường mọc nơi bằng phẳng, hay triền dốc.

Công dụng:

Cây được sử dụng làm thuốc để cho phụ nữ sau sinh không có sữa (BT18), hay trị chứng nhức đầu mệt mỏi sau khi sinh của phụ nữ cùng với 6 loài cây khác (BT33); hay cùng với loài chiều liêu kha tử và chiều liêu xanh để trị bệnh sốt rét (BT46).

Bộ phận làm thuốc:

Rễ cây được dùng để làm thuốc riêng hay chung với các loài khác, có thể dùng tươi hay khô.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài cây có phân bố khá nhiều, giá trị làm thuốc tại cộng đồng cao, cần phải bảo tồn và phát triển.

Dây Hồ đẳng

Số hiệu cây thuốc: CT76

Tên địa phương:

- Lào: Pa đông khưa
- M'Nông:

Tên khoa học:

Cisampelos sp.

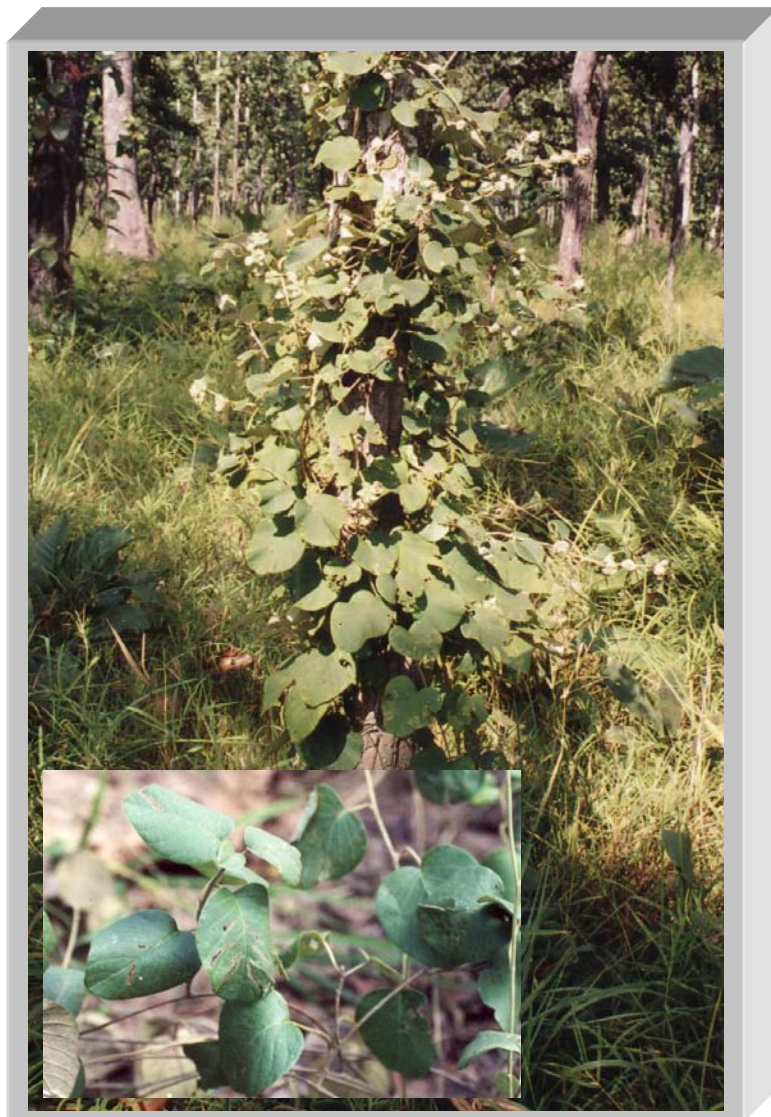
Họ tiết dê: Menispermaceae

Mô tả hình thái:

Dây leo mọc bò hay leo lên cây, nhánh có rãnh, thân có lông ngắn. Lá có phiến xoan tròn, gốc lá hình tim, đầu lá tròn hơi lõm, có phủ lông mềm thưa. Cụm hoa dạng chùm, hoa có 4 lá đài. Quả nhẵn cứng tròn, đẹp màu đỏ.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác trong rừng khộp, nơi có nhiều ánh sáng, mọc dưới tán các loài cây họ dầu, mọc chung với các loài le cỏ, mọc bò hay leo lên thân các loài cây gỗ.
- Địa hình: Mọc nơi bằng phẳng, ven đường, ven rừng



Công dụng:

Cây dùng để làm thuốc trị bệnh mỏi chân, đau khớp, bong gân (BT74) hay dùng để trị ghẻ (BT113). Thường dùng chỉ một loại cây này để làm thuốc.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng toàn bộ cây(thân, rễ, lá) để làm thuốc đối với đau khớp, bong gân, dùng để nấu uống mỗi lần nấu 1-2 lạng. Đối với bệnh ghẻ, giã nhỏ thân lá bôi lên vết thương

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài phân bố rộng rãi, độ thường gặp cao, cần bảo vệ rừng tránh cháy, khai thác hợp lý sẽ bảo vệ và bảo tồn được loài.

Dó tròn

Số hiệu cây thuốc: CT109

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Po pít
- M'Nông: Tôm N'ha pham

Tên khoa học: *Helicteres isora* L.

Họ trôm : Sterculiaceae

Mô tả hình thái :

Cây bụi, cao 2-4,5m vỏ có nhiều xơ sợi.

Lá có phiến xoan rộng tròn dài, đáy lá tròn có khi bất xứng, đầu lá thường phân thùy, mép lá có răng nhọn, lá kèm như kim.

Cụm hoa dạng tụ tán, có 2-3 hoa, đài hoa 1,2cm, cánh hoa xanh rồi đỏ, dài 3-4cm, nhị 10. Trái vắn xoắn dài 3-4cm, hạt 2mm.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Mọc rải rác ở rừng khộp, ven suối ẩm, rừng bán thường xanh, loài cây ưa sáng hay chịu bóng một phần (mọc dưới tán loài cây khác)
- Địa hình: Cây có thể mọc nơi bằng phẳng hay có độ dốc lớn,

Công dụng:

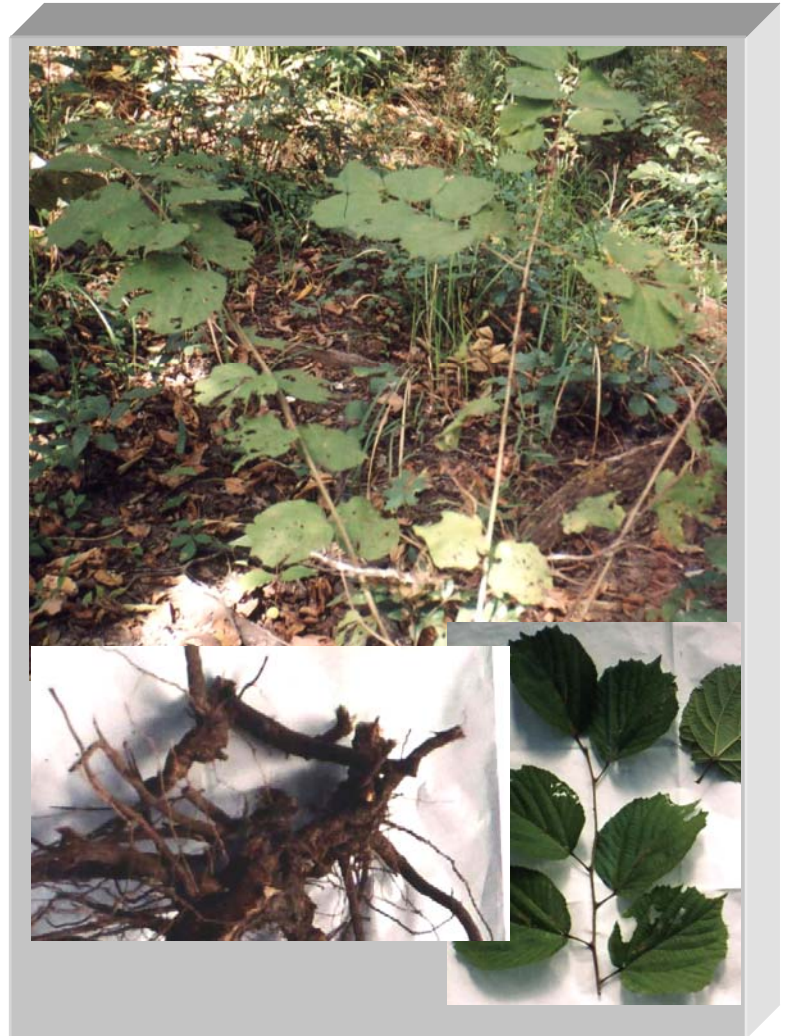
Cây dùng để làm thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, thường dùng riêng một loại trong bài thuốc 146 (BT146)

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ cây để làm thuốc, lấy rễ băm nhỏ nấu nước cô lại còn một nửa để uống

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài có phân bố rộng rãi, kết hợp bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn thuốc.



Dót sành

Số hiệu cây thuốc: CT97

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Nho sụm
- M'Nông: Tôm Drô răng

Tên khoa học: *Pavetta pitardii* Brem

Họ Cà phê: Rubiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, cao 10-15m, đường kính 25-30cm, thân tròn, vỏ màu trắng xám, nứt thành mảng nhẹ.

Lá đơn mọc đối, hình trứng, đuôi lá tròn, đầu lá nhọn, có mũi ngắn. Mặt trên xanh đậm, mặt dưới trắng bạc, gân phụ 11-12 đôi, xếp song song và nổi rõ mặt dưới. Lá kèm hình tam giác, sớm rụng.

Hoa tự hình đầu tập trung ở đầu cành, quả hạch nhỏ khi chín màu tím đen.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác trong rừng khộp hơi ẩm, mọc chung với các loài cây họ dầu khác,
- Địa hình: Thường ở nơi bằng phẳng, ven suối.

Công dụng:

Dót sành được dùng riêng (BT27) hay dùng chung với các loài cây thuốc khác (BT15) trong các bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh khỏe mạnh đi lại được ngay, chống ngộ độc.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ hay thân cây để làm thuốc, có thể dùng tươi hay khô để nấu nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài có trữ lượng trong khu bảo tồn ít, phân bố rải rác, nhu cầu sử dụng của cộng đồng nhiều, sản phẩm hiện trở thành hàng hóa vì vậy cần nghiên cứu bảo tồn và phát triển.



Đạt phước

Số hiệu cây thuốc: CT15

Tên địa phương:

- Lào: Cốc càng không
- M'Nông: Tơ Tang tơi

Tên khoa học: *Millingtonia hortensis* L.f.

Họ Đình: Bignoniaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ hoặc lớn, cao 7-20m.

Thân màu xám, nứt dọc nông

Lá kép lông chim 2 - 3 lần, lá kép thứ cấp lẻ, mang 3 lá chét, bìa lá có răng cưa nhỏ.

Hoa tự chùm tán, to mọc ở nách lá hay đầu cành, hoa màu trắng, cánh hợp nhau thành ống xẻ thành 2 môi, nhị 4. Quả hình trái xoan dài 1-1,5cm, có 1 hạt cứng có cánh

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác trong rừng thưa cây lá rộng và rừng bán thường xanh, ven đường đi của vườn quốc gia Yok Đôn, loài cây ưa sáng, giai đoạn nhỏ có khả năng chịu bóng, cây tái sinh tự nhiên tốt
- Địa hình: thường mọc nơi bằng phẳng

Công dụng:

Cây thuốc có nhiều công dụng,

dùng để trị bệnh sốt nóng(BT52), chữa trị ho (BT93), đau bụng cho trẻ con (BT134).

Cây có thể dùng riêng hay kết hợp với loài khác như với kơ nia để trị sốt nóng.

Bộ phận làm thuốc:

Thường dùng thân gỗ hay rễ cây để làm thuốc, để chữa trị ho. Dùng nước từ rễ làm thuốc

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Cây được cộng đồng sử dụng rộng rãi để làm thuốc, cần bảo tồn và phát triển.



Gáo nước, Cà giam lá tròn

Số hiệu cây thuốc: CT 94

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Càng lương
- M'Nông: Tơm Ko

Tên khoa học: *Mitragyne rotundifolia* (Roxb) Kuntze.

Họ Cà phê: Rubiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ lớn, vỏ màu xám, nứt nhẹ, thịt vỏ màu hơi nâu. Cành non vuông, màu xanh.

Lá đơn mọc đối, hình trái xoan tròn, đầu lá tù, gốc lá hình nêm, mặt trên láng, không lông, mặt dưới có ít lông. Hoa tự tập trung thành hình đầu tròn, đơn độc ở đầu cành, đài 5, tràng 5, nhẵn. Quả khô, hình cầu, hạt màu đen nhạt.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác ven bờ sông Sê Rê Pốk, suối Đắk R'Lau của vườn quốc gia Yok Đôn, cây ưa sáng và ưa ẩm.
- Địa hình: Thường mọc trên triền suối, bờ sông

Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc để trị bệnh sốt rét (BT59) hay dùng để trị bệnh thương hàn (BT201) cây được dùng riêng hay dùng chung với các loài cây khác.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ hay thân cây để làm thuốc, có thể dùng tươi hay khô

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Cây mọc rải rác, số lượng ít vì vậy cần bảo tồn và phát triển. Tránh việc lấy các bộ phận làm thuốc quá mức ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây.



Hồng bì

Số hiệu cây thuốc: CT101

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Săm nghìn
- M'Nông:

Tên khoa học: *Clausena excavata* Burm

Họ Cam quýt: Rutaceae

Mô tả hình thái:

Cây bụi thấp, toàn thân có mùi thơm, cành nhánh xanh.

Lá kép lông chim một lần lẻ, phiến lá hình xoan gân lá lệch, đầu và gốc lá nhọn.

Cụm hoa xim viên chùy, Quả hạch có mùi thơm

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác trong rừng khộp ở vùng núi Chư Minh và một vài nơi khác
- Địa hình: Nơi bằng phẳng hay trên dốc



Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc bổ có tác dụng giúp ăn ngon, mạnh khỏe (BT70)

Bộ phận làm thuốc:

Lá cây được sử dụng để làm thuốc. Lá được băm nhỏ phơi khô để nấu nước hay ngâm rượu uống, có thể ngâm chung với một số loài cây cho thuốc bổ khác.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài thuốc quý tại cộng đồng, được người dân sử dụng nhiều làm thuốc bổ. Cây đã trở thành sản phẩm hàng hóa trao đổi buôn bán trong vùng cùng với cây Bán tràng (Tôm trơn) với tên gọi bài thuốc Ma Công. Cần có biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững, tổ chức kinh doanh và tránh khai thác quá mức.

Kim cang lớn

Số hiệu cây thuốc: CT 168

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Khưỡng nội
- M'Nông: Tơ Nam Dong

Tên khoa học: *Smilax china* L.

Họ Cam quýt: Smilacaceae

Mô tả hình thái:

Dây leo thân có gai nhọn. dây dài 6-7m, có phần rễ củ phù mập.

Lá lớn có 3-5 gân gốc nổi rõ, lá mọc so le, có phần tua cuốn.

Hoa dạng tán ở nách lá, quả mập hình cầu.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố rải rác trong rừng bán thường xanh, rừng khộp ẩm, ven suối. Cây ưa ẩm, có khả năng chịu bóng
- Địa hình: Có thể mọc nơi bằng phẳng hay triền dốc, tầng đất sâu.

Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc trị đau bao tử (BT200) thường dùng riêng một vị hay dùng chung với mật ong.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng phần rễ củ để làm thuốc, lấy rễ củ rửa sạch băm nhỏ, sắc nước hoặc ngâm rượu uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài cây có giá trị tại cộng đồng trong việc sử dụng làm thuốc, có thể bán ra trên thị trường, cần nghiên cứu bảo tồn và phát triển.



Kơ nia

Số hiệu cây thuốc: CT61

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Pốc
- M'Nông: Tơm Nher

Tên khoa học: *Irvingia malayana* Oliv. ex Benn

Họ Kơ nia: Irvingiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ lớn, thường xanh, gốc thường có khía. Vỏ ngoài màu nâu hồng hay xám hồng, thịt vỏ dày có sạn, cành non màu nâu, nhiều bì khổng.

Lá đơn, mọc cách, lá to hình trái xoan, dài 9-11cm, rộng 4-5cm. Lá non có màu tím nhạt, lá kèm có hình dùi.

Cụm hoa chùm mọc ở nách lá, hoa nhỏ màu trắng, 4-5 cánh hoa. Bầu 2 ô. Quả hình trái xoan, 1 hạt, ăn được.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Kơ nia thường mọc trong rừng thường xanh, nửa rụng lá và rải rác trong rừng thưa cây họ dầu.
- Địa hình: Cây thường mọc trên khắp các dạng địa hình.

Công dụng:

Cây được sử dụng trong điều trị bệnh sốt nóng, ho mất tiếng của trẻ em (BT53) hay chỉ dùng riêng cho trị bệnh ho liên tục (BT99).

Bộ phận làm thuốc:

Dùng cả thân và vỏ để làm thuốc, thường dùng cây con có kích thước nhỏ.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài phân bố rải rác trong vườn quốc gia, cần gắn công tác bảo tồn với việc sử dụng cây thuốc của đồng bào tránh khai thác quá mức.



Mã tiền quả cam

Số hiệu cây thuốc: CT66

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Tum ca
- M'Nông: Tơm Plai kroăl

Tên khoa học: *Strychnos nux-blanda* A.W.Hill

Họ Mã tiền:

Loganiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, rụng lá mùa khô phân cành thấp, cành ngang. Vỏ thân màu xám nhạt
Lá đơn mọc đối, gần hình tròn, dài 7-8cm, rộng 6,5-7,5cm. Lá màu vàng xanh khi già cá màu vàng nhạt
Hoa mọc thành cụm hình ngù ở đầu cành, ít hoa có lá bắc. Hoa mẫu 5, đài hợp hình ống, tràng 5 hợp thành ống dài 13mm. Quả mọng hình cầu to như quả cam,



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây ưa sáng phân bố trong rừng rụng lá, rừng nửa rụng lá.
- Địa hình: Cây thường mọc nơi bằng phẳng, hay ven triền sông suối.

Công dụng:

Cây được sử dụng làm nhiều loại thuốc để chữa bệnh tại cộng đồng: trị sốt rét, sốt cách nhật (BT40; 55); trị rắn cắn (BT82); trị tê liệt chân tay (BT198); trị đau mắt (BT193). Cây được sử dụng chung với các loài cây khác hay sử dụng một mình.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng lá, vỏ, gỗ hạt để làm thuốc tùy từng bệnh mà sử dụng các bộ phận khác nhau.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Cây mọc khá phổ biến trong vườn quốc gia, có thể vừa kết hợp lấy thuốc vừa gắn với công tác bảo tồn.

Nhân trần, Chè đồng

Số hiệu cây thuốc: CT104

Tên địa phương:

- Lào: Klôi bri
- M'Nông:

Tên khoa học: *Adenosma indianum* (Lour)

Họ: Scrophulariaceae

Mô tả hình thái:

Cây thân thảo, sống một năm, cao 20 -80cm, cành non có lông sau nhẵn.

Lá mọc đối có cuống ngắn, hình mác, mép khía răng, có lông.

Hoa nhỏ, màu tím mọc tụ tập thành hình đầu ở ngọn. Quả nang, nhiều hạt nhỏ. Toàn thân có tinh dầu thơm nồng.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố ở các bãi hoang, nơi ẩm, ven đường đi ở vườn quốc gia Yok Đôn. Cây mọc vào tháng 6-7, ra hoa vào tháng 10-11, là loài cây ưa sáng

- Địa hình: Cây thường mọc nơi bằng phẳng, bờ ruộng, ven suối



Công dụng:

Nhân trần được sử dụng làm thuốc chống xơ gan, bồi bổ cơ thể (BT194), ngoài ra người dân địa phương sử dụng thay cho các loại trà

Bộ phận làm thuốc:

Dùng cả cây để làm thuốc hay làm chè, nhổ cây vào mùa cây ra hoa hoặc kết quả, phơi khô hay dùng tươi.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây phân bố tự nhiên tại vườn quốc gia Yok Đôn, có trữ lượng khá lớn, người dân địa phương thu hái, sơ chế để dùng hay bán, vì vậy cần có biện pháp bảo tồn và phát triển kinh doanh bền vững.

Núc nác, Sò đo thuyền

Số hiệu cây thuốc: CT16

Tên địa phương:

- Lào: Cốc mạc lin mạy
- M'Nông: Tơm Pa lung

Tên khoa học: *Oroxum indicum* (L.) Vent

Họ Đinh: Bignoniaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, rụng lá. Thân thẳng, vỏ xù xì màu nâu vàng.

Lá kép lông chim 2-3 lần, rất to dài tới 2m, lá chét thường có hình trái xoan tròn, hình trứng, đầu có mũi lõ, gốc tròn.

Hoa màu da cam đỏ nâu, mọc thành chùm, dài 30cm dựng đứng ở ngọn cây. Quả nang rất lớn, dài 30-90cm, rộng 5-9cm dẹt, có cạnh sắc. Hạt nhiều có cánh mỏng.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây mọc rải rác trong rừng chuyển tiếp ven sông suối, rừng bán thường xanh, cây ưa sáng, có khả năng chịu bóng một phần.
- Địa hình: Cây thường mọc nơi tương đối bằng phẳng

Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc trị sốt rét (BT39); trị bỏng lửa hay nước sôi (BT109); đau bụng, kiết lỵ (BT139). Cây được dùng riêng hay dùng chung với các vị thuốc khác.

Bộ phận làm thuốc:

Các bộ phận của cây như quả, vỏ, được sử dụng để làm thuốc, tùy tính chất của bệnh có thể dùng tươi hay khô.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây có nhiều công dụng tại cộng đồng, người dân cũng đã gây trồng quanh nhà để làm thuốc, rau ăn. Cần tiếp tục phát huy trong công tác bảo tồn.



Sổ đất

Số hiệu cây thuốc: CT 30

Tên địa phương:

- Lào: Cốc sạn tĩa
- M'Nông: Tôm Mlo xre

Tên khoa học: *Dillenia hookeri*
Pierre

Họ Sổ: Dilleniaceae

Mô tả hình thái:

Cây bụi thấp, cao khoảng 1m.

Cành non có phủ lông.

Lá đơn hình trứng ngược, đầu lá to, đuôi lá thót lại. Lá dài 30cm, lúc non có lông mặt dưới, lúc già mặt trên nhẵn, mép lá có răng cưa. Gân bên song song và nổi rõ. Lá non có màu tím hồng. Hoa thành cụm 2 hoa ở nách, hoa màu vàng. Hoa mẫu 5. Quả mập nhỏ.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây mọc khá phổ biến dưới tán rừng rụng lá và nửa rụng lá. Nơi ẩm, nhiều ánh sáng, cây mọc thành một vạc lớn.

- Địa hình: Cây mọc nơi bằng phẳng, gần những vùng trũng



Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc cho phụ nữ sau khi sinh được khỏe mạnh hay trị một số bệnh như băng huyết, tan huyết... Cây được dùng riêng (BT29) hay dùng chung với các loài cây khác (BT5;7;26;33).

Bộ phận làm thuốc:

Dùng phần rễ, thân của cây để làm thuốc có thể dùng tươi hay phơi khô nấu nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Cây phân bố khá rộng rãi, trữ lượng còn nhiều, khai thác cây thuốc cần đảm bảo cho cây tái sinh và phát triển, tránh lấy một chỗ,. Do đây là vị thuốc được sử dụng trong nhiều bài thuốc.

Sữa, Mò cua

Số hiệu cây thuốc: CT 11

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Tim pét
- M'Nông: Tơm N'ha pham

Tên khoa học: *Alstonia scholaris* (L.) R.Br.

Họ Trúc đào : Apocynaceae

Mô tả hình thái :

Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn, có nhiều mủ trắng, thịt vỏ trắng.

Lá đơn, mọc vòng và thường xếp thành từng tầng, hình bầu dục, dài 7-20x 2,5-4,5cm, đầu nhọn ngắn, đuôi gốc hình nêm, mép nguyên.

Cụm hoa xim, hoa lưỡng tính màu trắng, có mùi. Quả đại đôi, dài 18-23cm, rộng 0,5cm, thông xuống. Hạt 2 đầu có lông dài



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- **Sinh cảnh:** Cây phân bố trong rừng chuyển tiếp hay bán thường xanh, mọc ven suối, rải rác ven đường đi. Cây ưa bóng lúc nhỏ, ưa sáng lúc trưởng thành.
- **Địa hình:** Cây mọc ở những nơi bằng phẳng

Công dụng:

Cây được dùng chung với loài mắc cỡ để làm thuốc trị rắn cắn (BT83), ngoài ra còn dùng làm thuốc bổ.

Bộ phận làm thuốc:

Dùng rễ cây hay vỏ để làm thuốc, thường dùng tươi hay khô

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loại cây mọc rải rác, thưa nên cần bảo tồn và phát triển bằng cách trồng dặm ở những sinh cảnh thích hợp để bảo tồn loài kết hợp lấy thuốc.

Sưng

Số hiệu cây thuốc: CT78

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Nam kiện, Ja hat điều
- M'Nông:

Tên khoa học: *Semecarpus* sp.

Họ Điều: Anacardiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ, thường xanh hay rụng lá, vỏ màu trắng nhạt, có nhựa mủ hơi đỏ.

Lá đơn nguyên, tập trung đầu cành, dài 15-20cm rộng 4-7cm, xanh láng.

Hoa mọc chùm hay chùy ở đầu cành, mang nhiều hoa tạp tính, màu trắng. Quả hạch 2cm.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, là loài cây ưa sáng, mọc chung với các loài cây họ dầu khác, khả năng tái sinh rất tốt.
- Địa hình: Cây thường mọc nơi bằng phẳng, ven suối, ven đường đi



Công dụng:

Cây được sử dụng để làm thuốc cho phụ nữ sau sinh (BT5), thuốc trị bệnh đau bụng ới mửa (BT126)

Bộ phận làm thuốc:

Rễ cây được dùng để làm thuốc, có thể dùng tươi hay phơi sấy khô.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây thường được người dân sử dụng để làm thuốc, cần bảo tồn và phát triển, tránh khai thác quá mức.

Táo rừng lá nhỏ

Số hiệu cây thuốc: CT 87

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Nam khom, Cốc Lec meo
- M'Nông:

Tên khoa học: *Ziziphus oenoplia* (L.) Mill.

Họ Táo ta: Rhamnaceae

Mô tả hình thái:

Cây bụi nhỏ có khi bò trườn. Thân và cành có nhiều gai nhỏ cao 3-4mm, hình cong.

Lá có dạng hình bầu dục, đầu lá hơi lệch, dài 2-6cm, mép lá có răng cưa rất mảnh. Mặt dưới lá có lông thưa hoặc dày, cuống lá dài 3-4mm. Hoa tự tán mọc ở nách lá, hoa nhỏ, cánh hoa ngắn hơn lá đài, nhị 5. Quả nhân cứng, to 7-10mm,

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: cây phân bố trong rừng rụng lá hay các trảng cây bụi, là loài cây ưa sáng, phát triển thành bụi lớn.
- Địa hình: mọc hầu khắp ở các dạng địa hình.



Công dụng:

Cây được dùng để làm thuốc đau bao tử chung với các loài chiêu liêu xanh, hầu vĩ, bồ kết rừng (BT147), hay dùng làm thuốc trị bệnh lậu, mụn nhọt (BT205).

Bộ phận làm thuốc:

Vỏ và rễ cây được sử dụng để làm thuốc có thể dùng tươi hay phơi khô để nấu nước uống.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài phân bố rải rác, thường là các bụi rậm cần kết hợp vệ sinh rừng với việc tận dụng cây thuốc, vị thuốc.

Thị mām

Số hiệu cây thuốc: CT 36

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Hưỡn quang
- M'Nông: Tơm Bôm.

Tên khoa học:

Diospyros ehretioides

Wall.ex G.Don

Họ Thị : Ebenaceae



Mô tả hình thái:

Cây gỗ trung bình, thường xanh, tán rậm. Cao 12-18m, đường kính 25-50cm. Vỏ thân màu xám trắng, nứt dọc rộng, vị chất.

Lá đơn nguyên mọc cách,

hình trứng hoặc hình bầu dục, dài 10-27cm, rộng 8-10cm, đầu lá hơi tròn.

Hoa đơn tính mọc thành cụm hình xim gần đầu cành, có lá bắc, hoa mẫu 4.

Quả hình cầu nhẵn, đường kính 3cm, có 4 lá đài tồn tại

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây mọc nhiều trong rừng khộp hoặc rừng nửa rụng lá, có khả năng chịu hạn tốt, ưa sáng, thích mọc nơi ẩm.
- Địa hình: Mọc nơi tương đối bằng phẳng

Công dụng:

Cây được sử dụng trong nhiều bài thuốc tại cộng đồng dùng để trị các chứng bệnh: phụ nữ sau khi sinh (BT5;10;19;26; 33) trị sốt rét, sốt vàng da (BT42; 50); bệnh sỏi (BT121), trị bệnh thương hàn (BT201)

Bộ phận làm thuốc:

Tùy từng loại bệnh các bộ phận sử dụng làm thuốc khác nhau như dùng rễ ở đa số các loại bệnh, riêng trị bệnh sỏi dùng phần thân gỗ.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là cây thuốc có giá trị tại cộng đồng, cây được sử dụng trong khá nhiều các bài thuốc, cần bảo tồn loài cây để duy trì nguồn thuốc.

Thổ mật Campuchia

Số hiệu cây thuốc: CT 41

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Hàng nam
- M'Nông: Tom Nhên

Tên khoa học: *Bridelia cambodiana*
Gagnep

Họ Thầu dầu: Euphorbiaceae

Mô tả hình thái:

Cây gỗ nhỏ hay trung bình, vỏ ngoài đen xám, nứt dọc sâu. Thịt vỏ màu vàng nhạt. Lá đơn, mọc cách, thuôn, gốc tròn, đỉnh tù, dài 9-16cm, rộng 3-6cm, mặt dưới màu xám bạc. Lá kèm sớm rụng.

Cụm hoa dạng xim, mọc ở nách lá. Hoa đơn tính, hoa cái nhiều, có cuống, lá đài 5, hình tam giác, màu hồng. Quả hạch tròn

Mô tả phân bố và yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây phân bố trong rừng khộp và nửa rụng lá, mọc chung với nhiều loài cây khác nhau. Cây ưa sáng
- Địa hình: Thường mọc nơi bằng phẳng.

Công dụng:

Cây được dùng làm thuốc cho phụ nữ sau khi sinh bị ngộ độc thức ăn hay bị đau đầu, mệt mỏi. Có thể dùng riêng (BT20) hay dùng chung với các loài cây khác (BT33;35)

Bộ phận làm thuốc:

Sử dụng thân cây hay rễ băm nhỏ để làm thuốc, có thể dùng tươi hay khô để nấu uống

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Loài có phân bố rộng rãi và có trữ lượng lớn, người dân địa phương sử dụng thường xuyên. Cần bảo tồn và phát triển nguồn thuốc và nghiên cứu thành phần hóa học để có thể chiết xuất.



Thủy lệ

Số hiệu cây thuốc: CT125

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Phát ca diên
- M'Nông:

Tên khoa học: *Hydrolea zeilanica*(L.) Vahl.

Họ Thủy lệ :

Hydrophyllaceae

Mô tả hình thái:

Cỏ một năm, thân đứng hay nằm, tròn màu xanh nhạt dài 0.5 - 1m mọc nước.

Lá mọc cách, phiến thon hẹp, không lông, cuống dài 1 - 2mm, không có lá kèm,

Hoa nhỏ mẫu 5 màu lam đẹp, nhị 5 gắn trên ống tràng, quả nang 4 - 5mm.



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố ven bờ ruộng hay mọc nơi ẩm dưới nước trong rừng khộp, cây ưa ẩm, mùa hoa tháng 11-12
- Địa hình: Cây mọc nơi bằng phẳng, sinh ruộng hay đọng nước

Công dụng:

Cây được sử dụng làm thuốc điều trị bệnh phù, đặc biệt cho người già (BT188)

Bộ phận làm thuốc:

Dùng toàn cây để làm thuốc, thu hái vào lúc cây đang ra hoa là tốt nhất, nấu cây lấy nước uống và ăn như rau

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây thuốc quý tại cộng đồng, theo kinh nghiệm của người dân đã trị được bệnh cho nhiều người, cần nghiên cứu bảo tồn.

Tóc tiên, thiên môn đông

Số hiệu cây thuốc: CT116

Tên địa phương:

- Lào: Cốc Xi sạ
- M'Nông: Tôm Nam phan

Tên khoa học: *Asparagus cochinchinensis*

(Lour.) Merr.

Họ Hành: Liliaceae

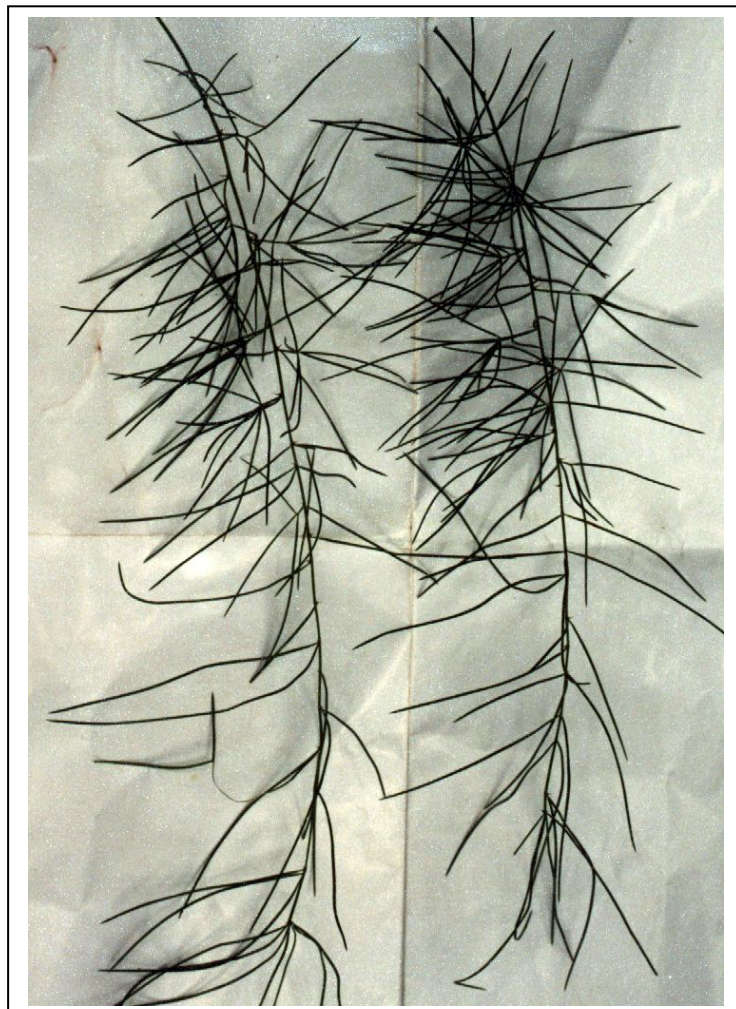
Mô tả hình thái:

Dây leo, phân nhánh rất nhiều, thân xanh bóng, nhẵn, có gai. Các cành nhỏ, mảnh, có rãnh, lá hình kim, .

Cụm hoa gồm nhiều hoa, đa tính, màu trắng, xếp 1-2 cái, ít khi 3, mọc ở nách lá. Hoa đực và hoa cái đều có bao hoa. Quả mọng màu trắng, hình cầu, có hạt tròn, đen, ra hoa vào mùa hè.

Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Cây mọc hoang dại dưới tán rừng khộp hay rừng bán thường xanh ven sông suối, là loài cây chịu bóng có thể mọc chung với các loài cỏ khác
- Địa hình: thường mọc nơi bằng phẳng, đất ẩm



Công dụng:

Cây được sử dụng để làm thuốc trị bệnh ho lâu, ho ra máu. Cây được sử dụng chung với loài bồ quân ấn độ (BT94) bằng cách nấu uống.

Bộ phận làm thuốc:

Lá và rễ của cây được sử dụng để làm thuốc, có thể dùng tươi hay khô để nấu mỗi lần khoảng 1 lạng (tươi)

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây phân bố rải rác dưới tán rừng, trữ lượng không nhiều, cần bảo tồn và phát triển bằng cách gây trồng dưới tán để tạo nguồn thuốc.

Trắc leo

Số hiệu cây thuốc: CT54

Tên địa phương:

- Lào: Pa đông khò
- M'Nông:

Tên khoa học:

Dalbergia volubilis Roxb.

Họ Đậu: Fabaceae

Mô tả hình thái:

Dây leo thân gỗ dài 15-20m, có nhánh mấu hay gai nhọn, nhánh non có lông nâu mịn.

Lá dài 8-12cm, lá chét từ 11-13cm, lá chét hình trái xoan đầu tròn, tù hay lõm

Quả đậu mép quả dẹp lại thành cánh, 2-3 hạt



Mô tả phân bố, yêu cầu sinh thái:

- Sinh cảnh: Phân bố trong rừng nửa rụng lá và rừng thường xanh trên núi Yok Đôn, núi Chư Minh, thường mọc bám trên các loài cây gỗ khác, cây chịu bóng một phần
- Địa hình: Mọc ở sườn dốc có độ dốc lớn hoặc trên đỉnh núi bằng phẳng

Công dụng:

Cây được người dân địa phương có kinh nghiệm dùng làm thuốc bổ có tác dụng bồi bổ toàn thân, ngoài ra dùng trị bệnh đau lưng đau khớp tốt (BT81)

Bộ phận làm thuốc:

Dùng thân dây leo gỗ để làm thuốc, cắt khúc hay băm nhỏ thân cây nấu nước uống hay ngâm vào rượu để uống, nước thuốc có màu đỏ.

Yêu cầu về bảo tồn và phát triển:

Đây là loài cây thuốc có giá trị tại cộng đồng, cây phân bố tương đối hẹp, cần bảo tồn và phát triển loài này.